

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42 /NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2018

- Tăng thu bổ sung từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2018, số tiền là 34.094 triệu đồng.

- Giảm chi ngân sách địa phương, số tiền là 16.273 triệu đồng.

- Kết dư ngân sách tỉnh tăng thêm do điều chỉnh quyết toán năm 2018, số tiền là 50.367 triệu đồng.

Số liệu quyết toán ngân sách địa phương năm 2018 được điều chỉnh như sau:

I. Tổng các khoản thu cân đối ngân sách nhà nước: 25.420.026 triệu đồng.
Bao gồm:

1. Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: 20.052.332 triệu đồng (trong đó ngân sách trung ương hưởng 5.517.822 triệu đồng, ngân sách địa phương hưởng 14.534.510 triệu đồng), bao gồm:

1.1. Thu từ các doanh nghiệp nhà nước:	11.916.027 triệu đồng
1.2. Thu từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư NN:	340.194 triệu đồng
1.3. Thu từ khu vực CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh:	1.614.806 triệu đồng

1.4. Thuế thu nhập cá nhân:	300.902	triệu đồng
1.5. Lệ phí trước bạ:	186.885	triệu đồng
1.6. Thuế bảo vệ môi trường:	573.382	triệu đồng
1.7. Thu phí, lệ phí:	135.740	triệu đồng
1.8. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	5.848	triệu đồng
1.9. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp:	36	triệu đồng
1.10. Thu tiền sử dụng đất:	990.121	triệu đồng
1.11. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước:	86.866	triệu đồng
1.12. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu NN:	3.114	triệu đồng
1.13. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:	85.429	triệu đồng
1.14. Thu khác:	411.320	triệu đồng
1.15. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi CS khác:	12.177	triệu đồng
1.16. Thu từ cổ tức và lợi nhuận sau thuế:	13.130	triệu đồng
1.17. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết:	85.215	triệu đồng
1.18. Thu thuế xuất, nhập khẩu do Hải quan thu:	3.291.140	triệu đồng
2. Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước:	4.796.616	triệu đồng.
3. Thu kết dư ngân sách:	492.394	triệu đồng.
4. Thu viện trợ không hoàn lại:	29.347	triệu đồng.
5. Thu huy động đóng góp:	41.913	triệu đồng.
6. Thu hồi vốn NN và thu từ quỹ dự trữ tài chính:	200	triệu đồng.
7. Thu vay bù đắp bội chi:	7.224	triệu đồng.

II. Tổng thu ngân sách địa phương: 22.520.355 triệu đồng. Bao gồm:

1. Thu ngân sách trên địa bàn địa phương được hưởng:	14.576.623	triệu đồng
2. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	2.490.761	triệu đồng
3. Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước:	4.796.616	triệu đồng
4. Thu kết dư:	492.394	triệu đồng
Trong đó: - Ngân sách tỉnh:	13.474	triệu đồng
- Ngân sách huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn:	478.920	triệu đồng
5. Thu viện trợ không hoàn lại:	29.347	triệu đồng
6. Thu ngân sách cấp dưới nộp lên ngân sách cấp trên:	127.390	triệu đồng
7. Thu vay của ngân sách cấp tỉnh	7.224	triệu đồng

III. Tổng chi ngân sách địa phương: 21.666.289 triệu đồng; trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển:	6.052.815	triệu đồng
2. Chi trả nợ gốc, lãi vay:	73.817	triệu đồng
3. Chi thường xuyên:	8.912.175	triệu đồng
a) Chi an ninh:	155.845	triệu đồng
b) Chi quốc phòng:	229.539	triệu đồng
c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	2.881.661	triệu đồng
d) Chi sự nghiệp y tế:	945.992	triệu đồng
đ) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:	24.677	triệu đồng
e) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, TDTT:	151.843	triệu đồng
g) Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:	43.534	triệu đồng
h) Chi đảm bảo xã hội:	760.564	triệu đồng
i) Chi sự nghiệp kinh tế:	1.468.749	triệu đồng
k) Chi sự nghiệp môi trường	163.574	triệu đồng
l) Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể:	2.024.517	triệu đồng
m) Chi khác:	61.680	triệu đồng
4. Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính địa phương:	1.140	triệu đồng
5. Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau:	6.462.129	triệu đồng
6. Chi nộp ngân sách cấp trên:	164.213	triệu đồng

• IV. Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương: 854.066 triệu đồng. Gồm:

1. Kết dư ngân sách tỉnh:	221.154	triệu đồng
2. Chênh lệch thu, chi ngân sách huyện, thành phố:	410.718	triệu đồng
3. Chênh lệch thu, chi ngân sách xã, phường, thị trấn:	222.194	triệu đồng

V. Kết dư ngân sách tỉnh phân kinh phí tăng thêm so với số liệu đã phê chuẩn tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 do thực hiện điều chỉnh quyết toán là 50.367 triệu đồng xử lý theo qui định của Luật Ngân sách nhà nước.

VI. Dư nợ vay cuối năm 2018 của ngân sách tỉnh là 55.974 triệu đồng.
Gồm:

1. Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam: 48.750 triệu đồng.
2. Vay lại của Chính phủ: 7.224 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS (01).ptth.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân